TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 30-11-2020
V/v: *"Xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Mạnh Hùng

Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Phương Chi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2020/TLPT-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 về việc: *"Xin ly hôn"*.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 34/2020/HNGĐ-ST ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 307/QĐ-PT ngày 28/10/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mai Thanh T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: đường Mạc Thị B, thôn TX, xã LT, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh Trần Anh D, sinh năm 1984

Địa chỉ: đường LL, xã LT, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng.

Người kháng cáo: Anh Trần Anh D – bị đơn.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Chị Trần Thị Mai Thanh T trình bày:

Chị T và anh Trần Anh D chung sống và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 05/9/2013 tại Uỷ ban nhân dân xã LT, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng. Trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu nhau được khoảng 2 năm. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống với nhau hạnh phúc được khoảng vài năm, đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, về cách làm kinh tế, thường xuyên cãi nhau, sống không tôn trọng lẫn nhau. Sau đó hai người sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tình cảm của chị T đối với anh D không còn. Nay chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Trần Anh D.

+ Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Trần Duy K, sinh ngày 04/01/2015, từ khi vợ chồng sống ly thân anh D bắt cháu K về ở với anh D và không cho cháu K gặp mẹ. Nay ly hôn chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu K. Chị T yêu cầu anh D phải cấp dưỡng để chị T nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Hiện nay chị T đang làm nghề làm đẹp, làm vườn, kinh doanh tự do, có thu nhập hàng tháng khoảng 10.000.000đ, ngoài ra còn có nhà đất riêng do cha mẹ đẻ cho.

+ Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận tự chia, không yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

- *Bị đơn Anh Trần Anh D trình bày*:

Anh và chị Trần Thị Mai Thanh T chung sống và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 05/9/2013 tại Uỷ ban nhân dân xã LT, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng như chị T trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng với nhau về nhiều vấn đề trong cuộc sống mà không thể khắc phục, nay tình cảm của anh đối với chị T không còn. Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh đồng ý.

+ Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Trần Duy K, sinh ngày 04/01/2015 hiện nay cháu K đang ở với anh D. Khi hôn anh D yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được nuôi con. Anh D có khả năng nuôi con nên không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Hiện nay anh D đang làm vườn riêng do cha mẹ đẻ cho đất, ngoài ra còn chạy xe tải cho gia đình thu nhập hàng tháng khoảng 30.000.000đ.

+ Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 34/2020/HNGĐ-ST ngày 08/9/2020, Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc đã xử:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Mai Thanh T và anh Trần Anh D.

- Về con chung: Giao con chung tên Trần Duy K, sinh ngày 04/01/2015 cho chị T nuôi. Buộc anh D phải cấp dưỡng để chị T nuôi con mỗi tháng là 3.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án.

Ngày 21/9/2020 bị đơn anh Trần Anh D có đơn kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi con Trần Duy K, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa hôm nay,

Bị đơn anh D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, chị T không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của anh D đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh D, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Trần Thị Mai Thanh T và anh Trần Anh D chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Chị T xin ly hôn, anh D đồng ý nhưng các bên tranh chấp về con chung. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "*Xin ly hôn*" là đúng pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân, tài sản chung, nợ chung sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

[3] Về con chung: Xét kháng cáo của anh D yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung thì thấy rằng:

Chị T và anh D có 01 con chung là Trần Duy K, sinh ngày 04/01/2015. Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị T và anh D là chính đáng. Tuy nhiên, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Theo chị T trình bày từ tháng 4/2020 vợ chồng sống ly thân anh D bắt con về nuôi và không cho gặp mẹ. Chị T có chỗ ở, việc làm và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi con. Hơn nữa, hiện cháu K còn rất nhỏ nên rất cần thiết được mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để cháu phát triển tốt cả về thể lực và trí tuệ. Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là đúng quy định, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh D, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên anh D phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, án phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Trần Anh D. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân, tài sản chung, nợ chung sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Duy K, sinh ngày 04/01/2015 cho chị Trần Thị Mai Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh D phải cấp dưỡng để chị T nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)*. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 12 năm 2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, thay đổi việc nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo qui định của luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

Buộc chị Trần Thị Mai Thanh T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0016735 ngày 12/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc. Chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Buộc anh Trần Anh D phải chịu 300.000đ án phí về việc cấp dưỡng nuôi con và 300.000đ án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0018584 ngày 05/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc. Anh D còn phải nộp 300.000đ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDTC (01);
- VKSND tỉnh LĐ (01);
- TAND Tp. Bảo Lộc (02);
- Phòng KTNV&THA (01);
- Các đương sự (03);
- Lưu AV – HS (03).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Vũ Thị Nguyệt